

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 12 - 2022

"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thìn

Bà Đặng Thị Tuyết Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2022/TLST - HNGĐ ngày 13/10/2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 25/11/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST - HNGĐ ngày 12/12/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 (có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố R, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện U, thành phố Hà Nội

* Bị đơn: Anh Biện Đình T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố R, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Biện Đình Mạnh D, sinh ngày 13/11/2015 (vắng mặt)

+ Cháu Biện Đình Mạnh H, sinh ngày 08/11/2012 (vắng mặt)

+ Cháu Biện Phương T, sinh ngày 27/6/2010 (vắng mặt)

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố R, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

Đều có nơi ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện U, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật của cháu Biện Đình Mạnh D: Anh Biện Đình T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố R, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

Đại diện theo pháp luật của cháu Biện Đình Mạnh H và cháu Biện Phương T: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố R, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện U, thành phố Hà Nội

* Người làm chứng: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1950 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện U, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai của chị Nguyễn Thị L tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Chị và anh Biện Đình T kết hôn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D (nay là Ủy ban nhân dân phường D) ngày 26/9/2009. Vợ chồng sống cùng nhau một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không thống nhất trong làm ăn kinh tế, anh T không chăm lo kinh tế gia đình, kinh tế vợ chồng độc lập, tiền của ai người đó tiêu nên kinh tế gặp nhiều khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ giữa năm 2018, chị và các con về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn T, xã V, huyện U, thành phố Hà Nội; kể từ đó anh chị sống ly thân không còn chung sống cùng nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị không hàn gắn được, anh chị không thể về chung sống cùng nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Biện Đình Mạnh D, sinh ngày 13/11/2015, cháu Biện Đình Mạnh H, sinh ngày 08/11/2012, cháu Biện Phương T, sinh ngày 27/6/2010. Hiện nay chị không có thai. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi một hoặc hai con chung, anh T nuôi một con chung; chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị xác định hiện nay chị làm công nhân may, thu nhập 5.226.400 đồng/tháng. Ngoài ra, chị sống tại nhà đất của bố mẹ đẻ chị ở thôn T, xã V, huyện U, thành phố Hà Nội; chị cũng đã trao đổi với bố mẹ chị về việc ly hôn và nuôi con; bố mẹ chị sẽ tạo mọi điều kiện để chị có thể nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Chị và anh T không nợ ai, không cho ai vay nợ nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về ruộng nông nghiệp: Chị không có ruộng nông nghiệp nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công sức: Vợ chồng chị không có công sức với hai bên gia đình nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, anh T xác định: Anh và chị L là vợ chồng đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2009 như lời khai của chị L là đúng. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, kinh tế vợ chồng có nhiều khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi nhau dẫn đến chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và làm đơn ly hôn anh. Anh xác định kể từ giữa năm 2018 cho đến nay vợ chồng anh sống ly thân không còn qua lại quan tâm chăm sóc nhau. Đến nay anh xác định không còn tình cảm với chị L nhưng do các con còn nhỏ, anh mong muốn các con có tình cảm của cả bố và mẹ nên anh không đồng ý ly hôn chị L.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 03 con chung như lời khai của chị L là cháu Biện Đình Mạnh D, sinh ngày 13/11/2015, cháu Biện Đình Mạnh H, sinh ngày 08/11/2012, cháu Biện Phương T, sinh ngày 27/6/2010. Trường hợp ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi một hoặc hai cháu, anh và chị L không

phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng anh không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về vay nợ: Anh chị không nợ ai, không cho ai vay nợ nên anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về ruộng nông nghiệp, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công sức: Vợ chồng anh không có công sức với hai bên gia đình nên anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu D, cháu H, cháu T thể hiện: Các cháu đều có nguyện vọng ở với chị L và đều xác định không liên quan gì đến kinh tế của anh T, chị L nên các cháu tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau này Tòa án đưa vụ án ra xét xử các cháu đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bà Bùi Thị T (là mẹ đẻ chị L) trình bày: Bà xác nhận chị L và anh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2009. Quá trình sinh sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế nên kinh tế của vợ chồng có nhiều khó khăn, anh chị thường xuyên xảy ra xô xát cãi nhau. Tháng 8/2018, chị L bỏ về nhà bà sinh sống, kể từ đó anh chị sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị L làm đơn ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được chăm sóc nuôi dưỡng cả 03 con chung; bà cam kết sẽ tạo điều kiện cho chị L về nơi ăn ở để nuôi con và sẽ có trách nhiệm cùng chị L chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu. Bà xác định không liên quan gì đến vợ chồng chị L về kinh tế, bà không cho anh, chị vay cũng như không nợ anh chị nên bà tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã triệu tập anh T đến Tòa án tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; anh T mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không có mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Do vậy phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà hôm nay:

Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu D, cháu H và cháu T; hiện nay chị không có thai. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu H đến khi hai cháu thành niên, anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D đến khi thành niên; chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản, nợ, ruộng nông nghiệp, công sức chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M trình bày quan điểm: Toà án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh T. Giao cháu T, cháu H cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên; giao cháu D cho anh T chăm sóc đến khi thành niên; ghi nhận sự tự nguyện của anh chị về việc anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản, nợ, ruộng, công sức do anh chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L và anh Biện Đình T là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Chị L khởi kiện xin ly hôn anh T, anh T có nơi cư trú tại tổ dân phố R, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã M theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của chị L, anh T cũng như các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp đã phù hợp với nội dung xác minh tại Ủy ban nhân dân phường D, nên có đủ căn cứ xác định anh T, chị L đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã D (nay là Ủy ban nhân dân phường D) năm 2009 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, chị L khởi kiện ly hôn đối với anh T sẽ được Tòa án xem xét và giải quyết theo thủ tục ly hôn.

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án thì thấy: Chị L, anh T là vợ chồng, có thời gian chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì sống ly thân nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không thống nhất trong làm ăn kinh tế, kinh tế của vợ chồng khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát. Quá trình giải quyết vụ án, anh T xác định không còn tình cảm với chị L nhưng vì mong muốn các con có tình cảm của cả bố và mẹ nên không đồng ý ly hôn chị L; bản thân chị L xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, anh chị không thể về chung sống cùng nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án tạo điều kiện để anh chị hòa giải hàn gắn hạnh phúc tuy nhiên anh T không đưa ra được phương án hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, không đến tham gia phiên hòa giải, anh muốn níu giữ quan hệ vợ chồng là vì mong các con có cả bố mẹ còn bản thân anh xác định tình cảm với chị L không còn; chị L cương quyết đề nghị được ly hôn thể hiện tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn, tình trạng hôn nhân giữa anh chị mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên sẽ giải quyết cho chị L và anh T ly hôn là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích của anh chị.

[2.2]. Về con chung: Anh T, chị L có 03 con chung là cháu Biện Đình Mạnh D, sinh ngày 13/11/2015, cháu Biện Đình Mạnh H, sinh ngày 08/11/2012, cháu Biện Phương T, sinh ngày 27/6/2010. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết anh được chăm sóc, nuôi dưỡng một hoặc hai cháu trong ba cháu đến khi thành niên, chị L đề nghị được chăm sóc nuôi dưỡng cháu T, cháu H đến khi thành niên, anh T chăm sóc nuôi dưỡng cháu D; anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Cả ba con chung của anh chị đều có nguyện vọng được ở với chị L. Xét yêu cầu nuôi con của anh chị thì thấy, hiện nay chị L làm công nhân may, thu nhập thấp nếu giao cả ba

con chung cho chị L nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu sẽ không đảm bảo việc chăm sóc, phát triển toàn diện của các cháu; qua xác minh với chính quyền địa phương nơi anh T cư trú thì thấy anh T hiện làm nghề tự do, có nơi ăn ở ổn định nên sẽ giao cháu D cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu D thành niên; giao cháu T, cháu H cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng đến khi hai cháu thành niên; do anh chị đều nuôi con nên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp pháp luật, đảm bảo sự phát triển toàn diện của các cháu.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ, ruộng nông nghiệp, công sức: Quá trình giải quyết vụ án, chị L, anh T đều thống nhất tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ, ruộng, công sức của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Biện Đình T.

Về con chung: Giao cháu Biện Đình Mạnh H, sinh ngày 08/11/2012, cháu Biện Phương T, sinh ngày 27/6/2010 cho chị Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu H, cháu T thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cháu Biện Đình Mạnh D, sinh ngày 13/11/2015 cho anh Biện Đình T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu D thành niên (đủ 18 tuổi)

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh T, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh T, chị L có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh T, chị L thực hiện quyền này.

Anh T, chị L có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không phải giải quyết.

Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013179 ngày 13/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M. Chị L đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND thị xã M;
- Phòng KTNV &THS TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M;
- Dương sự;
- UBND phường D;
- Lưu HS vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ OANH

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

VŨ THU HIỀN ĐẶNG THỊ TUYẾT HƯƠNG

NGUYỄN THỊ OANH

